

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:49/2022/HNGĐ – ST

Ngày:18-8-2022

“V/v Ly hôn và trB chấp về nuôi con”

NHÂN DB
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Kim Sa Pha

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phước

Ông Phạm Hữu Thắng

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 112/2022/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022; Về việc: *“Ly hôn và trB chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số:107/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tô Tú L, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số 524, đường A, khóm B, phường C, thành phố H, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ tạm trú: C2/37 khu dân cư T, khóm A, phường C, thành phố H, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Bị đơn: B Vương Ngọc T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số 524, đường A, khóm B, phường C, thành phố H, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 02 năm 2022, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Tô Tú L trình bày:*

Sau thời gian quen biết và tìm hiểu nhau khoảng 02 năm, đến năm 2006 chị L với B Vương Ngọc T cưới nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân phường 9, thị xã Sóc Trăng (nay là thành phố Sóc Trăng) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyền số 01/2006 ngày 10 tháng 7 năm 2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, có với nhau 02 con chung, nhưng sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do B T không có trách nhiệm với vợ, con và không quan tâm, chia sẻ kinh tế trong gia đình, chăm sóc con chung. Đến năm 2019, B T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, mỗi lần phát sinh mâu thuẫn vợ chồng cự cãi với nhau thì thường dùng lời lẽ thô tục lăng mạ chị, khiến chị và các con vô cùng hoảng loạn và tổn thương về tinh thần, nên đến cuối năm 2021 chị và B T sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân vẫn không hàn gắn được mâu thuẫn vợ chồng và đến thời điểm hiện nay chị không còn tình cảm với B T, do vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết được ly hôn với B T theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Chị với B T có 02 con chung, cháu Vương Quốc Đ (giới tính nam, sinh ngày 05/12/2007) và cháu Vương Quốc B (giới tính nam, sinh ngày 06/9/2012). Hiện nay do chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị có yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi 02 con sau khi ly hôn, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Tô Tú L trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Vương Ngọc T được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng không có ý kiến trả lời cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Tô Tú L và cũng như vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra, giao nộp, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử sơ thẩm.

* *Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Còn bị đơn anh Vương Ngọc T chưa chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L đối với anh T, cho chị L ly hôn với anh T theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, còn con chung giao 02 cháu Vương Quốc Đ, Vương Quốc B cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành theo nguyện vọng của các cháu, không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con do đương sự không yêu cầu; Tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Vương Ngọc T được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy, bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh T theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Tô Tú L với anh Vương Ngọc T cưới nhau năm 2006, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 02 con chung. Sau đó cuộc sống hôn nhân bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, theo chị L trình bày do anh T có người phụ nữ khác bên ngoài, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không hàn gắn lại được. Đến cuối năm 2021 thì vợ chồng sống ly thân với nhau cho đến nay, nên chị L nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T theo quy định của pháp luật. Từ đó các bên phát sinh tranh chấp.

[3] Về hôn nhân: Chị Tô Tú L với anh Vương Ngọc T cưới nhau năm 2006, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, được UBND Phường 9, thành phố Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyển số 01/2006 ngày 10 tháng 7 năm 2006 nên quan hệ hôn nhân giữa chị L với anh T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ khi có phát sinh tranh chấp. Theo chị L trình bày, thì hôn nhân giữa chị với anh T không còn hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T không chăm lo cho cuộc sống kinh tế gia đình, cũng như anh T có người phụ nữ khác bên ngoài, không quan tâm đến chị và các con, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không hàn gắn được mặc dù chị cho anh T nhiều lần để sửa đổi để vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau, cùng nhau chăm sóc các con. Đến cuối năm 2021, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng mâu thuẫn hơn, không thể chung sống với nhau nên chị dẫn con ra ngoài thuê nhà để ở và ly thân với anh T cho đến nay, trong thời gian ly thân thì giữa chị L với anh T vẫn không thể hàn gắn lại được tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến nhau, mỗi người có cuộc sống riêng nên chị L quyết định nộp đơn xin ly hôn với anh T. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh T thì thấy, đến thời điểm hiện nay mâu thuẫn hôn nhân giữa anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài vì hai vợ chồng đã sống ly thân gần 01 năm, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng và bị đơn anh T cũng không có ý kiến gì phản đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị L, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tô Tú L đối với anh Vương Ngọc T.

[4] Về con chung: Chị L với anh T có 02 con chung, cháu Vương Quốc Đ, sinh ngày 05/12/2007 và cháu Vương Quốc B, sinh ngày 06/9/2012. Tại biên bản ghi ý kiến của các cháu thì các cháu có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với mẹ (chị L) nếu cha mẹ ly hôn. Xét thấy, yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con của chị L là phù hợp với điều kiện thực tế và quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, bởi vì chị L là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung và các cháu Quốc B, Quốc Đ cũng có nguyện vọng được tiếp tục ở chung với chị L, còn anh T không có ý kiến gì đối với yêu cầu được quyền nuôi con của chị L, nên yêu cầu này của chị L được Hội đồng xét xử chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con, do chị L không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chị Tô Tú L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định là 300.000 đồng.

[7] Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1,3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng: Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Chị Tô Tú L được ly hôn với anh Vương Ngọc T.

2/ Về con chung: Giao hai con tên Vương Quốc Đ, sinh ngày 05/12/2007 (nam) và cháu Vương Quốc B, sinh ngày 06/9/2012 (nam) cho chị Tô Tú L tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Dành cho anh Vương Ngọc T được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con, do chị Tô Tú L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Tô Tú L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000399 ngày 04/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, như vậy chị L đã nộp xong.

5/ Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn anh Vương Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

6/ Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận t hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Sóc Trăng;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS TP. Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- UBND Phường 9;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Kim Sa Pha